

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2022/QĐCNTTLH

T, ngày 30 tháng 9 năm 2022

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào điều 32, 33, 34 và điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào điều 55; 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Nguyễn Bá T và chị Trần Thị P;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Bà T;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 14 tháng 9 năm 2022 về sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên

Người bị kiện: Chị Trần Thị P, sinh năm 1994

Trú tại: Đội 3, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 14 tháng 9 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải ngày 14 tháng 9 năm 2022, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Bá T và chị Trần Thị P thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh T và chị P chưa có con chung.

- Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng cấy: Anh T, chị P đều khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
 - Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
 - VKSND huyện T;
 - UBND Thị trấn T
- (Giấy CNKH số 58/2015 ngày 25/12/2015);
- Lưu hồ sơ TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh N

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn 5 Minh Phú, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang

Bị đơn: Anh Lê Ngọc Vui, sinh năm 1985

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Việt Anh, sinh ngày 12/3/2012

Đều trú tại: Thôn Triều Dương, xã Hải Triều, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện hợp pháp cho cháu Việt Anh: Anh Lê Ngọc Vui và chị Hoàng Thị Tuyết Nhung là bố, mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Tuyết Nhung và anh Lê Ngọc Vui.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Tuyết Nhung và anh Lê Ngọc Vui đều nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nhung và anh Vui đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Việt Anh, sinh ngày 12/3/2012. Hiện nay cháu Việt Anh đang ở cùng với anh Vui. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho anh Vui tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Việt Anh kể từ tháng 10/2022 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nhung tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Vui số tiền là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 10/2022 đến khi cháu Việt Anh đủ 18 tuổi.

Chị Nhung được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Vui có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Nhung không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng cấy:* Anh, chị đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết;

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Hoàng Thị Tuyết Nhung tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2021/0004574 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

T. Chị Nhung đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Hải Triều

Giấy CNKH số 19 ngày 21/02/2011;

- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc